

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 566/2023/DS-PT

Ngày 24/11/2023

“Tranh chấp chia di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng.

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Ông Phạm Đình Khánh.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hữu, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 182/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12845/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1956 (đã chết ngày 17/8/2019);

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Nguyên đơn:

- Bà Trần Thị T; sinh năm 1956; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Anh Q, sinh năm 1980; có mặt.

- Anh Nguyễn Thanh M, sinh năm 1982; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Trung T1, sinh năm 1984; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số nhà B, ngõ A, tổ A, khu A, khu H, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, anh M, anh T1: Anh Nguyễn Anh Q, sinh năm 1980; địa chỉ: Số nhà B, ngõ A, tổ A, khu A, khu H, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Anh Q: Ông Tạ Hồng C - Luật sư Văn phòng L và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư tỉnh P; có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Đặng Thị Bích T2, sinh năm 1974; địa chỉ: Số nhà A, ngõ A, đường H, tổ A, khu A, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ A B, khu F, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Xuân P, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ A, khu A, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ A, khu B, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Kim C1, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu A, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

- Bà Trần Thị Thu H1, sinh năm 1966, anh Nguyễn Trần T4, sinh năm 1987 và anh Nguyễn Huy C2, sinh năm 1988; cùng địa chỉ: Tổ A, khu A, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Anh Q, sinh năm 1980; địa chỉ: Số nhà B, ngõ A, tổ A, khu A, khu H, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; có mặt

- Anh Nguyễn Đặng Quang H2, sinh năm 1999 và anh Nguyễn Huy N, sinh năm 2005; cùng địa chỉ: Tổ A, khu A, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; có mặt anh H2, vắng mặt anh N.

- Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc S, chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố V; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Bố ông là Nguyễn Văn C3 (đã chết năm 2012), mẹ ông là bà Bùi Thị T5 (đã chết năm 2016). Bố mẹ ông có 07 người con là Nguyễn Thị T3, Nguyễn Xuân Đ1 (đã chết ngày 16/6/2010), Nguyễn Xuân P, Nguyễn Văn T6 (chết ngày 23/11/2016), Nguyễn Thị Hồng H, Nguyễn Thị Kim C1 và ông. Khi còn sống bố mẹ ông có 01 mảnh đất diện tích 340,4m² tại phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, nguồn gốc ông cha để lại. Năm 2010 nhà nước quy hoạch xây dựng quảng trường H3 có thu hồi toàn bộ diện tích đất bố mẹ ông để lại và cấp tái định cư cho bố mẹ ông, cấp làm 02 đợt, cụ thể:

- Đợt 01: Tháng 12/2010 nhà nước cấp 82,5m² tại ô số 239 thuộc khu Đ, phường G, TP V. Diện tích đất tái định cư này tạm thời giao cho vợ chồng ông T6, bà T2 quản lý.

- Đợt 02: Ngày 30/12/2016, UBND thành phố V cấp tiếp tái bổ sung cho bố mẹ ông 85m² đất tái định cư tại thửa số L69, khu tái định cư Đ, phường M, TP V, tỉnh Phú Thọ. Lúc này bố mẹ ông đã chết nên các anh em trong gia đình đã họp bàn và thống nhất giao cho ông đại diện đứng tên thửa đất này. Chính vì vậy mà ngày 30/12/2016 UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ đã có Quyết định số 11143 giao đất cho ông. Ông xác định ông chỉ đứng tên đại diện cho các anh chị em chứ đây không phải là đất của ông. Tại đơn khởi kiện ông có đề nghị chia di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại theo pháp luật đối với 02 ô đất tái định cư là ô số 239 thuộc khu Đ (đã có bìa đồ đứng tên vợ chồng anh T6, chị T2) và ô đất có diện tích 85m² có số thửa số L69 ở khu tái định cư Đ, phường M, TP V, tỉnh Phú Thọ (Quyết định cấp đất đứng tên hộ gia đình ông), tuy nhiên nay ông chỉ đề nghị chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật đối với ô đất tái định cư có diện tích là 85m² (Quyết định cấp đất đứng tên hộ gia đình ông), còn ô đất tái định cư diện tích 82,5m² đã có bìa đồ đứng tên ông T6, bà T2 ông không đề nghị xem xét. Nguyên đơn ông Đ đã chết, nay anh Nguyễn Anh Q là người đại diện theo ủy quyền những người kế thừa đề nghị chia thừa kế cho 07 người con, anh xin nhận hiện vật và sẽ có trách nhiệm thanh toán chênh lệch cho các thừa kế.

Bị đơn bà Đặng Thị Bích T2 trình bày: Bà xác nhận lời trình bày của ông Đ về bố, mẹ chồng bà, các anh em trong gia đình nhà chồng bà cũng như thời điểm bố mẹ chồng bà, chồng bà và ông Nguyễn Xuân Đ1 chết là đúng. Tuy nhiên theo bà, khi bố mẹ chồng bà là cụ T5 và cụ C3 còn sống đã chia đất cho các con mỗi người một phần đều có ranh giới và sử dụng ổn định và đều đã được cấp Giấy CNQSD đất (chỉ trừ hai người con gái là bà T3 và bà H không được chia), phần của vợ chồng bà ở cùng với bố mẹ chồng bà có diện tích là 340,4m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn mang tên bố mẹ chồng bà, khi bố mẹ chồng bà còn sống vào ngày 01/01/2010 bố mẹ chồng bà đã tổ chức cuộc họp gia đình đã thống nhất cùng 07 người con đẻ và đã lập bản di chúc trao quyền thừa kế đất thổ cư cùng tài sản trên đất cho chồng bà là ông Nguyễn Văn T6. Trong nội dung di chúc thể hiện trường hợp nhà nước thu hồi thì toàn bộ phần đất tái định cư thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn T6. Năm 2012 sau khi nhà nước thu hồi đất của bố mẹ chồng bà và cấp tái định cư diện tích đất 82,5m², thời điểm này bố mẹ chồng bà vẫn còn sống nên đã tiến hành thủ tục tặng cho vợ chồng bà diện tích đất này và vợ chồng bà đã được cấp Giấy CNQSD đất. Đến tháng 10/2016 nhà nước đã cấp tái định cư bổ xung cho bố mẹ chồng bà, nhưng ông, bà đều đã chết. Theo bản di chúc thì phần đất tái định cư

cấp bổ sung là 85,0m² vẫn thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà, nhưng không hiểu lý do vì sao UBND thành phố V ban hành Quyết định số 11143/QĐ-UB để giao diện tích đất này cho ông Đ, bà không nhất trí và đã nhiều lần khiếu nại đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng chưa được giải quyết. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích đất 85m² có số thửa L69 ở khu tái định cư Đ, phường M, TP V, tỉnh Phú Thọ thì bà không đồng ý vì thửa đất này là của bố mẹ chồng bà đã cho chồng bà theo bản di chúc. Bà đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 11143/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ vì đã giao đất không đúng đối tượng và đề nghị xác nhận bản di chúc về việc trao quyền thừa kế ngày 01/01/2010 là hợp pháp.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T3, ông Nguyễn Xuân P, bà Nguyễn Thị Hồng H, bà Nguyễn Thị Kim C1, bà Trần Thị Thu H1, anh Nguyễn Trần T4 và anh Nguyễn Huy C2 đều đã trình bày quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án thống nhất như quan điểm của ông Nguyễn Văn Đ và đều đã ủy quyền cho ông Đ đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án. Nay ông Đ đã chết ủy quyền cho con ông Đ là anh Nguyễn Anh Q là người đại diện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đặng Quang H2 và anh Nguyễn Huy N có bản tự khai trình bày thể hiện: Việc ông Đ khởi kiện chia di sản thừa kế của ông bà các anh để lại các anh đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ trình bày: Về việc giao đất cho hộ ông Nguyễn Văn Đ, qua kiểm tra, rà soát hồ sơ lưu trữ cho thấy việc giao đất ở tái định cư cho hộ ông Nguyễn Văn Đ vào khu tái định cư Đ, phường M, thành phố V ô số L69, kích thước (5,0x17)m, diện tích là 85,0m², Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã cung cấp chứng cứ bổ sung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Tạ Hồng C trình bày quan điểm: Bản di chúc do bà T2 xuất trình cho Tòa án là không hợp lệ cả về nội dung và hình thức, người ký làm chứng là những người trong hàng thừa kế thứ nhất là vi phạm, người được nhận thừa kế ký vào di chúc là không đúng. Đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ C3, cụ T5 để lại là ô đất L69, diện tích 85m², địa chỉ ở khu Đ, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ cho 07 người con (02 người đã chết thì chia cho người thừa kế thế vị).

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 61/2020/DS-PT ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã căn cứ vào khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310; Điều 313; khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Quyết định: Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết sơ thẩm lại theo quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 10/5/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã áp dụng Điều 631, 632, 633, 634, 635, 636, 645, 653, 654, 674, 675, 676, 677, 683, 685, 733, 734, 735 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 144, 147, 207, 227, 228, 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Áp dụng khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 34, Điều 37, Điều 147, 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 609, 610, 612, 613, 620, 623, 649, 650, 651, Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí toà án. Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ (anh Q là đại diện của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn) về yêu cầu chia di sản của cụ Nguyễn Văn C3 và bà Bùi Thị T5 là ô đất L69 diện tích 85m², địa chỉ tại khu tái định cư Đ, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

[2]. Bác yêu cầu đề nghị hủy Quyết định số 11143/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ và yêu cầu xác nhận quyền sử dụng của chị T2 đối với thửa đất L69 diện tích 85m², tại khu tái định cư Đ, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

[3]. Xác định cụ Nguyễn Văn C3 (đã chết năm 2012), bà Bùi Thị T5 (đã chết năm 2016) bản di chúc về việc trao quyền thừa kế đất thổ cư và tài sản gắn liền với đất lập ngày 01/01/2010 là không hợp pháp.

- Xác định những người trong diện, hàng thừa kế và thừa kế thế vị tài sản của cụ C3 và cụ T5 gồm có: Bà Trần Thị T; anh Nguyễn Anh Q; anh Nguyễn Thanh M; anh Nguyễn Trung T1; bà Đặng Thị Bích T2; anh Đặng Quang H2; anh Nguyễn Huy N; bà Nguyễn Thị T3; ông Nguyễn Xuân P; bà Nguyễn Thị Hồng H; bà Nguyễn Thị Kim C1; bà Trần Thị Thu H1; anh Nguyễn Trần T4; anh Nguyễn Huy C2.

[4] Xác nhận di sản thừa kế của cụ C3 và cụ T5 để lại gồm có tài sản sau: Thửa đất L69 diện tích 85m², địa chỉ tại khu tái định cư Đ, phường M, thành phố V Trị giá tài sản = 85m²x10.000.000đ = 850.000.000đ.

[5]. Chia di sản thừa kế của cụ như sau:

- Chia cho anh Nguyễn Anh Q được hưởng phần di sản là thửa số L69 diện tích 85m², địa chỉ tại khu tái định cư Đ, phường M, thành phố V Trị giá tài sản = 85m²x 10.000.000đ = 850.000.000đ

(có sơ đồ trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 05/9/2017 kèm theo).

- Anh Q có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho:

Bà Trần Thị T số tiền là 30.357.142đ (Ba mươi triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi hai đồng).

Anh Nguyễn Thanh M số tiền là 30.357.142đ (Ba mươi triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi hai đồng).

Anh Nguyễn Trung T1 số tiền là 30.357.142đ (Ba mươi triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi hai đồng).

Bà Trần Thị Thu H1 số tiền là 40.476.190đ (Bốn mươi triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm chín mươi đồng).

Anh Nguyễn Trần T4 số tiền là 40.476.190đ (Bốn mươi triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm chín mươi đồng).

Anh Nguyễn Huy C2 số tiền là 40.476.190đ (Bốn mươi triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm chín mươi đồng).

Bà Đặng Thị Bích T2 số tiền là 40.476.190đ (Bốn mươi triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm chín mươi đồng).

Anh Đặng Quang H2 số tiền là 40.476.190đ (Bốn mươi triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm chín mươi đồng).

Anh Nguyễn Huy N, số tiền là 40.476.190đ (Bốn mươi triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm chín mươi đồng).

Bà Nguyễn Thị T3 số tiền là 121.428.571đ (một trăm hai mươi một triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi một đồng).

Ông Nguyễn Xuân P số tiền là 121.428.571đ (một trăm hai mươi một triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi một đồng).

Bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền là 121.428.571đ (một trăm hai mươi một triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi một đồng).

Bà Nguyễn Thị Kim C1 số tiền là 121.428.571đ (một trăm hai mươi một triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi một đồng).

Các hàng thừa kế phải có nghĩa vụ thanh toán tiền ông Đ đã nộp tiền sử dụng đất 144.500.000đ (anh Q là đại diện của những Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn) cụ thể: Mỗi thừa kế phải trả số tiền 20.642.857đ. Đối trừ nghĩa vụ thanh toán cho các thừa kế anh Q còn phải có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho các thừa kế là:

- Bà Trần Thị T số tiền là 25.196.428đ (Hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng).

- Anh Nguyễn Thanh M số tiền là 25.196.428đ (Hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng).

- Anh Nguyễn Trung T1 số tiền là 25.196.428đ (Hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng).

- Bà Trần Thị Thu H1, số tiền là 33.595.238đ (ba mươi ba triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi tám đồng).

- Anh Nguyễn Trần T4, số tiền là 33.595.238đ (ba mươi ba triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi tám đồng).

- Anh Nguyễn Huy C2, số tiền là 33.595.238đ (ba mươi ba triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi tám đồng).

- Bà Đặng Thị Bích T2. số tiền là 33.595.238đ (ba mươi ba triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi tám đồng).

- Anh Đặng Quang H2, số tiền là 33.595.238đ (ba mươi ba triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi tám đồng).

- Anh Nguyễn Huy N, số tiền là 33.595.238đ (ba mươi ba triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi tám đồng).

- Bà Nguyễn Thị T3. số tiền là 100.785.714đ (Một trăm triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm mười bốn đồng).

- Ông Nguyễn Xuân P. số tiền là 100.785.714đ (Một trăm triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm mười bốn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Hồng H. số tiền là 100.785.714đ (Một trăm triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm mười bốn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Kim C1 số tiền là 100.785.714đ (Một trăm triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm mười bốn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/5/2021, bị đơn là bà Đặng Thị Bích T2 có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 25/5/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có Quyết định kháng nghị số 178/QĐKNPT-VKS-DS sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận bản di chúc ngày 01/10/2020.

Tại phiên tòa:

- Ông Nguyễn Anh Q, là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trình bày: Cụ C3 và cụ T5 (đều đã chết) các cụ có 07 người con. Khi còn sống các cụ có mảnh đất diện tích 340,4m² tại phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Năm 2010 nhà nước quy hoạch xây dựng quảng trường H3 có thu hồi toàn bộ diện tích đất này và cấp tái định cư làm 02 đợt. Đợt 01: tạm thời giao cho vợ chồng ông T6, bà T2 quản lý,

Đợt 02: Ngày 30/12/2016, UBND thành phố V cấp tiếp tái bổ sung cho bố mẹ ông 85m² đất tái định cư tại thửa số L69, khu tái định cư Đ, phường M, TP V, tỉnh Phú Thọ. Lúc này cụ C3 và cụ T5 đã chết nên các anh em trong gia đình đã họp bàn và thống nhất giao cho bố ông đại diện đứng tên thửa đất này. Ông xác định bố ông chỉ đứng tên đại diện cho các anh chị em chứ đây không phải là đất của bố ông. Ông đề nghị chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật đối với ô đất tái định cư có diện tích là 85m² để chia thừa kế cho 07 người con, ông cho rằng bản án sơ thẩm đã quyết định là đúng, đề nghị HĐXX giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Bị đơn bà Đặng Thị Bích T2 trình bày: Khi cụ T5 và cụ C3 còn sống đã chia đất cho các con mỗi người một phần đều có ranh giới và sử dụng ổn định và đều đã được cấp Giấy CNQSD đất (chỉ trừ hai người con gái là bà T3 và bà H không được chia), phần của vợ chồng bà ở cùng với bố mẹ chồng bà có diện tích là 340,4m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn mang tên bố mẹ chồng bà. Khi bố mẹ chồng bà còn sống vào ngày 01/01/2010 bố mẹ chồng bà đã tổ chức cuộc họp gia đình đã thống nhất cùng 07 người con để và đã lập bản di chúc trao quyền thừa kế đất thổ cư cùng tài sản trên đất cho chồng bà là ông Nguyễn Văn T6. Theo bản di chúc thì phần đất tái định cư cấp bổ sung là 85,0m² vẫn thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà, nhưng không hiểu lý do vì sao UBND thành phố V ban hành Quyết định số 11143/QĐ-UB để giao diện tích đất này cho ông Đ, bà không nhất trí và đã nhiều lần khiếu nại đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng chưa được giải quyết. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích đất 85m² có số thửa L69 ở khu tái định cư Đ, phường M, TP V, tỉnh Phú Thọ, bà không đồng ý vì thửa đất này là của bố mẹ chồng bà đã cho chồng bà theo bản di chúc. Bà đề nghị xác nhận bản di chúc về việc trao quyền thừa kế ngày 01/01/2010 là hợp pháp.

- Bà Nguyễn Thị Kim C1 có quan điểm thống nhất như quan điểm của ông Nguyễn Anh Q là người đại diện.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn luật sư Tạ Hồng C trình bày quan điểm: Bản di chúc ngày 01/01/2010 về việc trao quyền thừa kế đất thổ cư và tài sản gắn liền với đất đứng tên cụ Nguyễn Văn C4 và Bùi Thị T7 không phải là di chúc, vì không phù hợp Điều 650 BLDS 2005 nếu đó là bản di chúc thì bản di chúc đó đã vi phạm về mặt hình thức, nội dung được quy định tại Điều 564 BLDS 2005. Kết luận giám định xác định không đủ cơ sở đây là chữ ký của cụ Nguyễn Văn C3 và cụ Bùi Thị T5, do vậy bản di chúc này không hợp pháp, diện tích 85m² ở L69 khu tái định cư, Đ phường M, được Ủy ban thành phố V cấp theo quyết định số 11143 ngày 30/ 12/2016 đứng tên ông Nguyễn Văn Đ là di sản thừa kế của các cụ, các thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ

nhất của hai cụ. Ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật 85m² là đúng theo quy định pháp luật, thể hiện đạo lý và thiện chí của ông Đ. Do đó Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm không chấp nhận kháng nghị và kháng cáo của bà Đặng Thị Bích T2.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện Viện kiểm sát thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đ là có căn cứ. Do đó đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Hà Nội rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 178/QĐKNPT-VKS-DS ngày 25/5/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà T2, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền xét xử: Việc chia di sản thừa kế của cụ C3, cụ T5 để lại là ô đất L69, diện tích 85m², địa chỉ ở khu Đ, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ và hủy quyết định giao đất, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết là đúng quy định pháp luật.

[1.2]. Kháng cáo của bà Đặng Thị Bích T2 và kháng nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ được gửi đến Tòa án trong thời hạn luật định, đúng hình thức, tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự là hợp lệ; đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt bà Nguyễn Thị T3, ông Nguyễn Xuân P, bà Nguyễn Thị Hồng H, bà Trần Thị Thu H1, anh Nguyễn Trần T4, anh Nguyễn Huy C2 nhưng họ đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì đã ủy quyền cho anh Nguyễn Anh Q. Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.4]. Do tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 178/QĐKNPT-VKS-DS ngày 25/5/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, do đó HĐXX

căn cứ vào quy định của pháp luật đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 178/QĐKNPT-VKS-DS ngày 25/5/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ.

[2]. Xét kháng cáo của bà Đặng Thị Bích T2: Hội đồng xét xử thấy như sau: Cụ C3 và cụ T5 có khối tài sản chung và là chủ sử dụng thửa đất có diện tích 340m² tại phường G, thành phố V. Năm 2010, Nhà nước thực hiện dự án xây dựng Quảng trường H đã thu hồi toàn bộ thửa đất và cấp đất tái định cư theo tiêu chuẩn cho cụ C3 và cụ T5 với tổng diện tích là 167,5m² làm 2 đợt, cụ thể:

Đợt 1: Năm 2010 cấp 82,5 m² đất thuộc ô số 239 khu Đ, phường G, thành phố V. Ngày 12/4/2012 khi cụ C3 và cụ T5 đều còn sống đã tặng cho thửa đất này cho con là ông Nguyễn Văn T6 và bà Đặng Thị Bích T2. Ngày 03/6/2016 đã được UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông T6, bà T2.

Đợt 2: Ngày 30/12/2016 UBND thành phố V tiếp tục cấp bổ sung cho cụ C3 và cụ T5 diện tích 85m² tại ô đất L69, tại khu tái định cư Đ, phường M, thành phố V. Do thời điểm này cả cụ C3 và cụ T5 đều đã chết nên các anh em trong gia đình họp bàn và thống nhất để ông Đ đứng tên. Từ đó, UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 11143/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 giao diện tích đất 85m² trên mang tên hộ ông Đ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà T2 xuất trình 01 bản di chúc về việc trao quyền thừa kế đất thổ cư và tài sản gắn liền với đất. Nội dung bản di chúc thể hiện cụ C3 và cụ T5 trao quyền thừa kế cho ông T6 đất và các tài sản trên đất thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 41, kể từ ngày 01/01/2010 ông T6 có toàn quyền sử dụng đất cùng các tài sản trên đất này. Trường hợp nhà nước có thu hồi thì toàn bộ phần đất được cấp tái định cư mới vẫn trao toàn quyền sở hữu cho ông T6 mà không có sự thay đổi nào. Xét thấy:

Về hình thức: Cụ C3 và cụ T5 không tự viết di chúc mà bản di chúc được đánh máy, có hai trang nhưng chỉ trang 2 có chữ ký của 2 cụ và 07 người con. Theo quy định tại các Điều 630, 631, 633 BLDS thì di chúc này phải được công chứng hoặc chứng thực, nếu không phải có người làm chứng. Di chúc này mặc dù có 7 người con (hàng thừa kế thứ nhất) của 2 cụ ký vào nhưng theo quy định tại Điều 632 BLDS thì những người này không được là người làm chứng. Bên cạnh đó, sơ đồ kèm theo di chúc và trang 1 di chúc đều không có chữ ký của người lập di chúc. Tại Kết luận giám định số 508/KLGD-PC54 ngày 14/5/2018 của Phòng K Công an tỉnh P kết luận “Không đủ cơ sở” để kết luận chữ ký, chữ viết của cụ T5, cụ C3 trong bản di chúc với chữ ký, chữ viết của cụ C3, cụ T5 trong các mẫu so sánh (Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tờ khai

CMND) có phải do cùng một người ký hay viết ra hay không. Như vậy, bản di chúc trên không đảm bảo về mặt hình thức theo quy định.

Về nội dung: Tại trang 1 bản di chúc tuy có ghi cha mẹ có 7 con, đã chia đất 5 phần cho 4 con trai và con gái là C1, đều đã tách xây cất tường rào, hiện là 6 phần đất độc lập đã có mốc giới, còn lại thừa 24 tờ bản đồ 41 là của hai cha mẹ nhưng lại không ghi cụ thể, rõ ràng về diện tích đất đã cho các con và diện tích thừa đất số 24 còn lại của 2 cụ đang sử dụng là bao nhiêu m². Tại T8 2 bản di chúc có nội dung “1. Phần đất và tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với đất mà bố mẹ đang quản lý sử dụng nếu được ở lâu dài, không phải di chuyển thì bố mẹ cũng chính thức trao quyền thừa kế cho con trai út là Nguyễn Văn T6”, nhưng cũng không ghi đất đang quản lý, sử dụng là thửa nào, diện tích bao nhiêu m². Trong khi đó, đối chiếu với sơ đồ kèm theo di chúc thì ở vị trí thửa đất cụ C3 đứng tên lại ghi số 168 với diện tích 288,3m² còn thửa 24 ghi tên ông T6 với diện tích 99,6m², thửa 117 ghi tên bà C1 với diện tích 98,8m². Diện tích ghi trong sơ đồ này không phù hợp với diện tích thửa đất số 24 bị thu hồi là 340,4m².

Như vậy, Bản di chúc về việc trao quyền thừa kế đất thổ cư và tài sản gắn liền với đất lập ngày 01/01/2010 là không hợp pháp. Nội dung kháng cáo của bà T2 cho rằng bản di chúc có chữ ký của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và di chúc thể hiện ý chí của cụ C3 và cụ T5 về việc cho ông T6 đất, trên cơ sở đó đề nghị xác định di chúc hợp pháp là không phù hợp.

Về chia di sản thừa kế: Do bản di chúc không hợp pháp nên diện tích 85m² tại ô đất L69, tại khu tái định cư Đ, phường M, thành phố V là di sản thừa kế của cụ C3 và cụ T5. Cụ C3 (chết năm 2012) và cụ T5 (chết năm 2016) không để lại di chúc nên di sản của các cụ sẽ được chia theo pháp luật. Hai cụ có 7 người con gồm ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T3, ông Nguyễn Xuân Đ1 (chết ngày 16/6/2010), ông Nguyễn Xuân P, ông Nguyễn Văn T6 (chết ngày 23/11/2016), bà Nguyễn Thị Hồng H và bà Nguyễn Thị Kim C1. Ngoài ra hai cụ không có người con riêng, con nuôi nào khác.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chia di sản của các cụ thành 7 kỷ phần thừa kế. Theo đó: giao cho anh Q quản lý, sử dụng ô đất và buộc anh Q có nghĩa vụ thanh toán bằng giá trị cho những người thừa kế và người thừa kế thế vị của ông Đ1, ông T6 là đảm bảo theo quy định. Tuy nhiên, do ông Đ1 chết trước thời điểm mở thừa kế nên theo quy định tại Điều 677 BLDS thì người thừa kế thế vị sẽ là anh Nguyễn Trần T4 và Nguyễn Huy C2 (con của ông Đ1) được hưởng kỷ phần thừa kế của ông Đ1. Bản án sơ thẩm chia cho cả bà Trần Thị Thu H1 (vợ ông Đ1) cùng được hưởng phần thừa kế thế vị là chưa phù hợp. Tuy nhiên anh T4 và anh C2 cùng các đương sự khác không ai có ý kiến, kháng cáo gì. Do đó

không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm đối với nội dung này. Về việc ông Đ đại diện cho gia đình đứng tên trong Quyết định giao đất tái định cư số 11143/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 đối với diện tích đất 85m² tại thửa số L69, khu tái định cư Đ, phường M, thành phố V thấy rằng: Sau khi cụ C3 và cụ T5 chết, do di chúc không hợp pháp nên diện tích 85m² đất trên là tài sản chung của hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ. Biên bản họp gia đình ngày 16/01/2017 có nội dung hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ thống nhất ủy quyền cho ông Đ đứng tên trong quyết định giao đất tái định cư. Nhưng biên bản này chỉ có các con của hai cụ ký, không có những người thừa kế thế vị của ông Đ1 và những người thừa kế thế vị của ông T6 tham gia ký là không đúng. UBND thành phố V căn cứ Biên bản họp này để ban hành Quyết định giao đất số 11143/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 giao cho ông Đ đứng tên thửa đất là chưa đảm bảo quy định. Tuy nhiên, như phân tích trên thì phần diện tích đất này được xác định là di sản thừa kế và chia thừa kế bằng hiện vật cho anh Q (con của ông Đ) là người quản lý sử dụng và anh Q phải hoàn trả giá trị cho những người được hưởng di sản của các cụ. Do đó không cần thiết phải hủy Quyết định giao đất tái định cư nêu trên theo yêu cầu của bà T2.

Từ những phân tích, nhận định trên, HĐXX nhận thấy không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Đặng Thị Bích T2, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Đặng Thị Bích T2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308, điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 178/QĐKNPT-VKS-DS ngày 25/5/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị Bích T2. Giữ nguyên các quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

3. Về án phí: Bà Đặng Thị Bích T2 phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà bà Đặng Thị Bích T2 đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2019/0004445 ngày 31/5/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án./.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Trọng